

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày: 28-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Đức C. Sinh năm 1993 tại Đồng Tháp. ĐKTT: Ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nơi ở: Nhà trọ thuộc tổ 1, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đức N và bà: Trần Thị V; Vợ: Cao Ngọc Thùy T, con: 01 trẻ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt)

Chỗ ở: Nhà trọ ấp 2, xã X, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Em Lê Võ Phi C1, sinh ngày 17/6/2003 (xin vắng mặt)

Chỗ ở: Ấp X, xã X, huyện H, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Lê Nhã M (chị ruột)
2/ Em Lê Minh P, sinh ngày 12/8/2004 (xin vắng mặt)
Chỗ ở: Ấp X, xã X, huyện H, TP. Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Kim L (mẹ ruột)
3/ Ông Phạm Văn M, sinh năm 1981 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: đường Q, phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh
4/ Ông Mai Thanh T, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: đường T, phường 11, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 ngày 08/6/2019 Lê Minh P (sinh ngày 18/3/2004) điều khiển xe máy biển số 59F1-131.23 chở Võ Lê Phi C1 (sinh ngày 17/6/2003) đi tìm bạn. Khi đến trước phòng trọ số 2 nhà số 18/1A ấp 2, xã X, huyện H, C1 phát hiện xe gắn máy, biển số 84E1-147.85 của anh Nguyễn Văn T dựng trước phòng trọ, không người trông coi nên C1 nảy sinh ý định trộm cắp xe máy trên. C1 kêu P quay đầu xe cảnh giới, còn C1 lên đến dắt trộm xe máy trên đem ra ngoài. Do xe không có chìa khóa nên C1 kêu P ngồi lên xe này, còn C1 điều khiển xe 59F1-131.23 đẩy xe vừa trộm được đến tiệm game bắn cá tại ấp B, xã B, nhờ S (không rõ lai lịch) mở cốp xe kiểm tra thấy bên trong có số tiền 2.500.000 đồng, 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T. Cả 02 chia nhau số tiền trên (mỗi người 1.250.000 đồng). Đồng thời cả hai gặp Lê Đức C (cậu của P) nhờ bán giùm chiếc xe vừa trộm được. C1 có nói xe vừa “đá” được nên C biết là xe do P và C1 trộm được và đưa cho C giấy đăng ký xe và giấy phép lái xe trên để C đem xe đi bán. Sau đó C đem xe đi thay ổ khóa xe và đem bán cho tiệm cầm đồ của Phạm Văn M với giá 7.000.000 đồng. M không biết đây là xe do phạm tội mà có. Sau khi bán xe, C nói với C1 xe bán được 5.000.000 đồng, trừ 500.000 đồng tiền thay ổ khóa xe, đưa cho C1 4.500.000 đồng, còn 2.000.000 đồng C tiêu xài hết. C1 chia cho P 2.300.000 đồng, phần C1 2.200.000 đồng. Sau đó cả hai dùng tiền trên đi mua 02 điện thoại di động và tiêu xài hết.

Qua truy xét, P, C1 và C bị công an xã X phát hiện mời về làm việc và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hóc Môn kết luận: Xe gắn máy hiệu Hoda Wave RS, biển số 84E1-147.85 trị giá 9.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- Xe gắn máy hiệu Hoda Wave RS, biển số 84E1-147.85, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

- 02 điện thoại di động do C1 và P dùng tiền bán xe trộm được mua về sử dụng (01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, số Imeil:

359752107103259617 và 01 điện thoại di động Iphone 6, số Imeil: 355902066137363).

- Thu của Lê Đức C: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imeil: 866346033865254; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Duos, số Imeil: 352828075478793 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Đức C.

- Thu của Võ Lê Phi C1: 01 xe máy Wave hiệu Majesty, biển số: 59F1-131.23, số khung: VTTDCH0A4TT-129687, số máy: VTT1P52FMH-129687 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Mai Văn T. Qua xác minh thuộc sở hữu của ông Mai Văn T, hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. C khai mua lại của người khác (không rõ lai lịch), sau đó bán lại cho C1. Cơ quan điều tra đăng thông báo tìm chủ sở hữu.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKS-HS ngày 02/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn truy tố bị cáo Lê Đức C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm 1, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Đức C từ 06 đến 09 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, số Imeil: 359752107103259617 và 01 điện thoại di động Iphone 6, số Imeil: 355902066137363.

- Trả lại cho bị cáo C: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imeil: 866346033865254; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Duos, số Imeil: 352828075478793 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Đức C.

- 01 xe máy Wave hiệu Majesty, biển số: 59F1-131.23, số khung: VTTDCH0A4TT-129687, số máy: VTT1P52FMH-129687 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Mai Văn T. Tiếp tục giao cho Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng để truy tìm chủ sở hữu hợp pháp.

Về dân sự: Buộc bị cáo Chinh trả cho ông Phạm Văn M 7.000.000 đồng.

Bị cáo C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo C đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay qua phân xét hỏi và tranh tụng công khai, Lê Đức C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận nhằm mục đích có tiền tiêu xài, bị cáo biết rõ P và C1 trộm chiếc xe gắn máy, biển số 84E1-147.85 nhưng vẫn cố tình đem xe đi bán cho tiệm cầm đồ của anh Phạm Văn M với giá 7.000.000 đồng, bị cáo lấy 2.000.000 đồng và 500.000 đồng (sửa ổ khóa), còn lại 4.500.000 đồng bị cáo đưa cho C1. Kết luận định giá tài sản số 142/2019 ngày 29/6/2019 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự thì chiếc xe có giá 9.000.000 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Bị cáo C hoàn toàn biết rõ việc chiếm đoạt tài sản và tiêu thụ tài sản bất hợp pháp của người khác là hành vi sai trái, bị xã hội lên án, pháp luật trừng trị; Nhưng do động cơ tham lam và muốn có tiền mà không phải lao động nên đã cố ý thực hiện việc phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bằng hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng cho người bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và tạo ra một dư luận không tốt trong nhân dân. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trái pháp luật do mình gây ra.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét thêm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để có hình phạt tương xứng.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhưng có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không nghề nghiệp, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, số Imeil: 359752107103259617 và 01 điện thoại di động Iphone 6, số Imeil: 355902066137363. 02 điện thoại này do C1 và P mua được từ số tiền thu lợi bất chính. Do đó tịch thu và nộp ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo C: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imeil: 866346033865254; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Duos, số Imeil: 352828075478793 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Đức C.

- 01 xe máy Wave hiệu Majesty, biển số: 59F1-131.23, số khung: VTTDCH0A4TT-129687, số máy: VTT1P52FMH-129687 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Mai Văn T. Qua xác minh thuộc sở hữu của ông Mai Văn T, hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. C khai mua lại của người khác (không rõ lai lịch), sau đó bán lại cho C1. Cơ quan điều tra đăng thông báo tìm chủ sở hữu. Hội đồng xét xử tiếp tục giao cho Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 năm để truy tìm chủ sở hữu hợp pháp. Nếu có người xuất trình đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh là chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại xe cho họ. Trường hợp quá thời hạn trên mà không có chủ sở hữu nào đến nhận thì tịch thu sung quỹ Nhà nước”.

[7] Về dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại xe gắn máy hiệu Hoda Wave RS, biển số 84E1-147.85, ngoài ra, người bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng không xem xét.

Bị cáo C đồng ý bồi thường cho ông M 7.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ngoài ra, bị cáo C không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với hành vi của Lê Võ Phi C1 và Lê Minh P, tính đến thời điểm phạm tội, C1 và P chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn cho gia đình bảo lãnh về địa phương giáo dục.

[9] Về án phí HSST: bị cáo C phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Tuyên bố các bị cáo Lê Đức C phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Đức C 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2/. Áp dụng các Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu và nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, số Imeil: 359752107103259617 và 01 điện thoại di động Iphone 6, số Imeil: 355902066137363.

- Trả lại cho bị cáo C: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imeil: 866346033865254; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Duos, số Imeil: 352828075478793 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Đức C.

- 01 xe máy Wave hiệu Majesty, biển số: 59F1-131.23, số khung: VTTDCH0A4TT-129687, số máy: VTT1P52FMH-129687 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Mai Văn T giao cho Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 năm để truy tìm chủ sở hữu hợp pháp. Nếu có người xuất trình đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh là chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại xe cho họ. Trường hợp quá thời hạn trên mà không có chủ sở hữu nào đến nhận thì tịch thu sung quỹ Nhà nước”.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 215/PNK ngày 05/12/2019 của Công an huyện Hóc Môn, Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/01/2020).

3/. Áp dụng Điều 584 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Lê Đức C bồi thường cho ông Phạm Văn M số tiền 7.000.000 đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Đức C phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Án phí DSST 350.000 đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5/. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND H.Hóc Môn;
- VKSND Tp.HCM;
- CQĐT Công an H.HM;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an H.HM;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Phụng